

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM  
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho kỳ kế toán từ 01/07/2021 đến 30/09/2021

**Hà Nội, tháng 10 năm 2021**

S.D.N.V

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Phòng 302 Tầng 3, Tòa tháp Tây , CC thuộc DA nhà ở cán bộ Học Viện Quốc Phòng, P.Xuân La,  
Q.Tây Hồ, Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2021	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04 - 05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	06 - 07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 25

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Phòng 302 Tầng 3, Tòa tháp Tây, CC thuộc DA nhà ở cán bộ Học Viện Quốc Phòng, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần VINAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Các Công ty con cho kỳ kế toán từ 01/07/2021 đến 30/09/2021.

#### **Khái quát**

Công ty Cổ phần VINAM tiền thân là Công ty CP Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 ngày 14/02/2007. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 17 ngày 26/08/2021 do Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động bảo vệ môi trường; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn thực phẩm đồ uống và đồ dùng gia đình; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông; Bán buôn vải, hàng may mặc; Hoạt động của các phòng khám Đa khoa, chuyên khoa và nha khoa; Sản xuất thiết bị dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện....

Trụ sở chính của Công ty tại Phòng 302, Tầng 3, Chung cư thuộc dự án khu nhà ở cán bộ Học Viện Quốc Phòng, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành Phố Hà Nội

#### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Takishita Akira	Chủ tịch	Từ 27/05/2019
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên	Từ ngày 29/06/2020
Bà Hà Thị Thu Trang	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Mạnh Cường	Giám đốc	Từ 04/11/2019
-----------------------	----------	---------------

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đào Thị Thanh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Phòng 302 Tầng 3, Tòa tháp Tây, CC thuộc DA nhà ở cán bộ Học Viện Quốc Phòng, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, Hà Nội

---

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

#### Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 04 đến trang 25, và cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/07/2021 đến 30/09/2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Thay mặt Ban Giám đốc**



Nguyễn Mạnh Cường  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2021



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>254.391.815.379</b>	<b>151.743.952.076</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>4.901.628.139</b>	<b>16.095.781.216</b>
1. Tiền	111		4.901.628.139	16.095.781.216
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2	<b>39.713</b>	<b>10.000.589.713</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		35.799.713	10.036.349.713
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(35.760.000)	(35.760.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>174.157.899.143</b>	<b>102.327.882.558</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	25.338.190.128	26.743.644.203
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	143.597.494.634	38.324.207.860
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a		35.000.000.000
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	5.222.214.381	2.260.030.495
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>73.697.192.452</b>	<b>23.037.573.474</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	73.697.192.452	23.037.573.474
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.635.055.932</b>	<b>282.125.115</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		427.238.635	98.642.562
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.207.817.297	183.482.553
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>31.529.663.409</b>	<b>10.188.448.216</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>20.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	20.000.000.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.216.559.062</b>	<b>-</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		1.216.559.062	-
-Nguyên giá	222		1.242.443.296	-
-Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(25.884.234)	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>8.935.665.865</b>	<b>10.123.057.161</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	8.935.665.865	10.123.057.161
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.377.438.482</b>	<b>65.391.055</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	1.377.438.482	65.391.055
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>285.921.478.788</b>	<b>161.932.400.292</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2021	01/01/2021
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>11.615.973.923</b>	<b>7.172.093.343</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.615.973.923</b>	<b>4.046.793.343</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	8.535.681.138	50.000.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	1.383.823.803	3.283.994.886
4. Phải trả người lao động	314		464.470.754	548.021.581
5. Chi phí phải trả ngắn hạn khác	315	V.11	-	49.928.783
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.186.905.272	69.755.137
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.092.956	45.092.956
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>3.125.300.000</b>
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.12	-	3.125.300.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>274.305.504.865</b>	<b>154.760.306.949</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.13	<b>274.305.504.865</b>	<b>154.760.306.949</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		197.999.940.000	115.499.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		197.999.940.000	115.499.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18.956.000.000	2.600.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		195.900.595	195.900.595
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		46.822.665.313	36.284.575.234
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		36.284.575.234	6.207.828.885
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.538.090.079	30.076.746.349
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.330.998.957	179.891.120
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>285.921.478.788</b>	<b>161.932.400.292</b>

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Liên

Kế toán trưởng



Cao Thị Minh Nguyệt

Giám đốc



Nguyễn Mạnh Cường

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2021.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 P302, Tầng 3, Tòa tháp Tây, chung cư Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2021 đến ngày 30/09/2021  
 thuộc DA khu nhà ở cán bộ HVQP,  
 Phường Xuân La, Quận.Tây Hồ, TP Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2021	Quý III/2020	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	14.350.332.028	10.544.971.220	54.825.324.823	53.864.356.934
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		14.350.332.028	10.544.971.220	54.825.324.823	53.864.356.934
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	6.875.436.130	3.178.013.830	38.705.154.453	27.182.332.939
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.474.895.898	7.366.957.390	16.120.170.370	26.682.023.995
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	265.792	448.783	455.847.046	1.281.501
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.312.500	59.233.470	225.272.560	6.257.755.178
8. Phần lãi, lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	23		-	-	-	-
24			-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	35.800.000	77.735.830	66.311.457	77.735.830
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	1.150.710.456	1.000.154.446	3.896.411.087	2.055.225.369
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.286.338.734	6.230.282.427	12.388.022.312	18.292.589.119
12. Thu nhập khác	31	VI.6	-	1.459.857.453	3.022.840	3.812.686.475
13. Chi phí khác	32	VI.7	110.529.410	8.389.582	122.821.334	30.489.891
14. Lợi nhuận khác	40		(110.529.410)	1.451.467.871	(119.798.494)	3.782.196.584
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.175.809.324	7.681.750.298	12.268.223.818	22.074.785.703
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	338.167.134	554.156.572	1.077.917.511
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.175.809.324	7.343.583.164	11.714.067.246	20.996.868.192

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 P302, Tầng 3, Tòa tháp Tây, chung cư Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2021 đến ngày 30/09/2021  
 thuộc DA khu nhà ở cán bộ HVQP,  
 Phường Xuân La, Quận.Tây Hồ, TP Hà Nội

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2021	Quý III/2020	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		6.198.445.975	7.271.831.535	10.538.090.079	20.925.429.620
20. Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát	62		(22.636.651)	71.751.629	1.175.977.167	71.438.572
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	312	890	592	2.545
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8				

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Liên

Kế toán trưởng



Cao Thị Minh Nguyệt



Nguyễn Mạnh Cường

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2021.



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>27.902.408.466</b>	<b>22.074.785.703</b>
<b>2. Điều chỉnh các khoản</b>	<b>02</b>		25.884.234	
- Các khoản dự phòng	03		1.224.901.912	(14.471.900.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17.421.212.705)	(1.281.501)
- Chi phí lãi vay	06		-	59.233.470
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(702.617.740)	
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>11.029.364.167</b>	<b>7.660.837.672</b>
- Tăng, giảm các khoản thu	09		(122.819.264.541)	(64.707.003.736)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(62.745.310.192)	19.156.109.787
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		46.816.645.937	9.409.412.115
- Tăng chi phí trả trước	12		(1.641.764.259)	(47.556.518)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	23.725.000.000
- Thuế TNDN đã nộp	15		(2.175.077.972)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(131.535.406.860)</b>	<b>(4.803.200.680)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(61.000.000.000)	(35.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		76.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(65.028.000.000)	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.469.846	1.281.501
<b>Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(50.020.530.154)</b>	<b>(34.998.718.499)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		173.028.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	39.500.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.666.216.063)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>170.361.783.937</b>	<b>39.500.00.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>(11.194.153.077)</b>	<b>(301.919.179)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		<b>16.095.781.216</b>	<b>4.776.186.934</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70		<b>4.901.628.139</b>	<b>4.474.267.755</b>

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Liên

Kế toán trưởng

Cao Thị Minh Nguyệt

Giám đốc



Nguyễn Mạnh Cường

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2021.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho kỳ kế toán từ 01/07/2021 đến 30/09/2021**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần VINAM tiền thân là Công ty CP Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 ngày 14/02/2007. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 17 ngày 26/08/2021 do Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty trên báo cáo tại thời điểm công bố báo cáo này vốn điều lệ của công ty là 197.999.940.000 đồng, được chia làm 19.799.994 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại Phòng 302, tầng 3, Tòa tháp Tây, Chung cư thuộc dự án khu nhà ở cán bộ Học Viện Quốc Phòng, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động bảo vệ môi trường; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn thực phẩm đồ uống và đồ dùng gia đình; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông; Bán buôn vải, hàng may mặc; Hoạt động của các phòng khám Đa khoa, chuyên khoa và nha khoa; Sản xuất thiết bị dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng ; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện....

#### **4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường : 12 tháng**

#### **5. Cấu trúc tập đoàn**

Tổng số các Công ty con : 5

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Danh sách các Công ty con:**

<b>Tên</b>	<b>Ngành hoạt động chính</b>	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
Công ty TNHH Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ Y học	Bán máy móc thiết bị, nông lâm sản; hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế..	4.800.000.000	100%
Công ty cổ phần Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường Hạ Long Tokyo	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.	50.000.000.000	99%
Công ty TNHH Vinam Vững Áng	Hoạt động chính là kinh doanh thương mại, dịch vụ, kinh doanh chế biến bảo quản thực phẩm.	20.000.000.000	100%
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.	30.000.000.000	70%
Công ty cổ phần công nghệ cao G7	Hoạt động chính là sản xuất kinh doanh chế biến thuốc dược phẩm thực phẩm chức năng các loại.	50.000.000.000	99%

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở hợp nhất**

#### **Các công ty con:**

Các công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

#### **Các công ty liên kết và liên doanh**

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có các hoạt động mà tập đoàn có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các công ty liên kết và công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Công ty trong các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi các đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách kế toán của Công ty, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Nếu phần lỗ của công ty vượt quá khoản đầu tư của công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi công ty có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho các đơn vị nhận đầu tư.

#### **Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày Công ty mẹ đạt quyền kiểm soát được trình bày như một loại tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 10 năm. Trường hợp giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất trong năm cao hơn giá trị phân bổ hàng năm thì thực hiện phân bổ theo giá trị tổn thất

Khi thoái vốn khỏi Công ty con thì giá trị khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi giảm tương ứng với tỷ lệ vốn thoái và tính vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán trong trường hợp Công ty mẹ vẫn nắm quyền kiểm soát Công ty con hoặc được ghi giảm toàn bộ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong trường hợp Công ty mẹ hết quyền kiểm soát tại Công ty con.

### **2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với tiền tệ sử dụng trong kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh, trên cơ sở sau:

- Các khoản nợ phải thu phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán
- Các khoản nợ phải trả phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ như tài sản (tiền, phải thu và tài sản tiền tệ khác) và công nợ (vay, phải trả và công nợ khác) được quy đổi theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại mà Công ty có tài khoản tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm : tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. Khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được trích lập theo qui định hiện hành

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, và thu tiền.

Các khoản đầu tư tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

**6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**8. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

*Các khoản giảm trừ doanh thu*

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**17. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**18. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Nợ phải trả tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
P302, Tầng 3, Tòa tháp Tây, chung cư Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2021 đến ngày 30/09/2021  
thuộc DA khu nhà ở cán bộ HVQP,  
Phường Xuân La, Quận.Tây Hồ, TP Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

**19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. Tiền**

	<b>30/09/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	VND	VND
Tiền mặt	2.564.687.066	4.588.209.498
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.336.941.073	11.507.571.718
<b>Cộng</b>	<b>4.901.628.139</b>	<b>16.095.781.216</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
 P302, Tầng 3, Tòa tháp Tây, chung cư  
 thuộc DA khu nhà ở cán bộ HVQP,  
 Ph□□ng Xứn La, Qu□n.Ty H□, TP H□

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2021 đến ngày 30/09/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>Tổng giá trị cổ phiếu</b>	<b>35.799.713</b>	<b>39.713</b>	<b>35.799.713</b>	<b>39.713</b>
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang (5.000.000 CP)	35.799.713	39.713	35.799.713	39.713
				<b>(35.760.000)</b>
				<b>(35.760.000)</b>

(\*) Theo quy định tại thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư với Công ty niêm yết tại thời điểm 30/06/2020. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị hợp lý.

**3. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	30/09/2021		01/01/2021	
	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần tập đoàn Quốc tế AIKO	-	-	-	17.990.555.213
Công ty JWB	-	-	-	4.133.088.990
Công ty CP Trang Thiết Bị Y Tế Phương Nam	7.365.149.894	7.365.149.894	7.365.149.894	4.620.000.000
Công ty CP OMEGA Việt Nam	3.212.869.206	3.212.869.206	3.212.869.206	
Khác	14.760.171.028	14.760.171.028	14.760.171.028	
<b>Cộng</b>	<b>25.338.190.128</b>	<b>25.338.190.128</b>	<b>25.338.190.128</b>	<b>26.743.644.203</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên	29.747.292.543	33.100.000.000
Công ty CP CK Trung Tân	-	338.910.000
Công ty CP Kanpeki Nhật Bản	8.500.000.000	
Công ty TNHH Thiết bị Y Học Nhật	22.000.000.000	220.000.000
Công ty CP Đầu Tư LOU	-	4.600.297.860
Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế Phương Đông	-	-
Công ty TNHH Môi Trường Y Tế Công Nghệ Cao	42.000.000.000	
Đối tượng khác	41.350.202.091	65.000.000
<b>Cộng</b>	<b>143.597.494.634</b>	<b>38.324.207.860</b>

**5. Phải thu khác**

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia		
Phải thu cho vay ngắn hạn		
Cầm cố, ký quỹ, ký cược		
Phải thu khác	5.222.214.381	2.260.030.495
<b>Cộng</b>	<b>5.222.214.381</b>	<b>2.260.030.495</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký quỹ, ký cược	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**6. Hàng tồn kho**

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	-	
Hàng hóa	73.697.192.452	23.037.573.474
<b>Cộng</b>	<b>73.697.192.452</b>	<b>23.037.573.474</b>

**7. Chi phí trả trước**

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí khác	427.238.635	98.642.562
<b>Cộng</b>	<b>427.238.635</b>	<b>98.642.562</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
P302, Tầng 3, Tòa tháp Tây, chung cư Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2021 đến ngày 30/09/2021  
thuộc DA khu nhà ở cán bộ HVQP,  
Phố Xuân La, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí khác	1.377.438.482	65.391.055
<b>Cộng</b>	<b>1.377.438.482</b>	<b>65.391.055</b>

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
Lắp đặt hệ thống Pacs BV An Giang	2.845.162.035	2.845.162.035
Lắp đặt hệ thống Pacs BV Tân Châu	6.090.503.830	6.090.503.830
Lắp đặt máy tiết trùng Vinam Vũng Áng	-	1.187.391.296
<b>Cộng</b>	<b>8.935.665.865</b>	<b>10.123.057.161</b>

**9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Leopard	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Công ty CP Đầu tư bệnh viện Việt Mỹ	173.912.130	173.912.130		
Công ty TNHH RTECH	266.181.818	266.181.818		
Phải trả các đối tượng khác	8.045.587.190	8.045.587.190		
<b>Cộng</b>	<b>8.535.681.138</b>	<b>8.535.681.138</b>	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/09/2021
	VND			VND
<b>Thuế phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	261.805.097	799.445.390	261.805.097	799.445.390
Thuế thu nhập DN	2.177.077.972	554.156.572	2.177.077.972	554.156.572
Thuế thu nhập cá nhân	845.111.817	55.711.887	870.601.863	30.221.841
Thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.283.994.886</b>	<b>1.420.313.849</b>	<b>3.318.484.932</b>	<b>1.383.823.803</b>

**11. Dự phòng phải trả dài hạn**

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dự phòng bảo hành, bảo trì sản phẩm hàng hóa	-	2.578.500.000
Dự phòng bảo hành, bảo trì công trình lắp đặt	-	546.800.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 P302, Tầng 3, Tòa tháp Tây, chung cư Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2021 đến ngày 30/09/2021  
 thuộc DA khu nhà ở cán bộ HVQP,  
 Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cộng - **3.125.300.000**

**12. Vốn chủ sở hữu**

**a Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/09/2021	%	01/01/2021	%
	VND		VND	
Vốn góp của các cá nhân	197.999.940.000	100	115.499.940.000	100
<b>Cộng</b>	<b>197.999.940.000</b>	<b>100</b>	<b>115.499.940.000</b>	<b>100</b>

**b Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
	VND	VND
Vốn góp đầu năm	197.999.940.000	82.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối năm	197.999.940.000	82.500.000.000

**c Cổ phiếu**

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.799.994	8.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.799.994	8.250.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.799.994	8.250.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.799.994	8.250.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.799.994	8.250.000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/cp		

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

<b>Doanh thu</b>	<b>Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND</b>	<b>Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 VND</b>
Doanh thu bán hàng	14.350.332.028	10.544.971.220
<b>Cộng</b>	<b>14.350.332.028</b>	<b>10.544.971.220</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND</b>	<b>Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 VND</b>
Giá vốn hàng hóa đã bán	6.875.436.130	3.178.013.830
<b>Cộng</b>	<b>6.875.436.130</b>	<b>3.178.013.830</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND</b>	<b>Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	265.792	448.783
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi bán cổ phiếu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>265.792</b>	<b>448.783</b>

**4. Chi phí hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND</b>	<b>Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 VND</b>
Lãi tiền vay		
Chênh lệch tỷ giá		-
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.312.500	59.233.470
Chi phí tài chính khác	-	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

<b>Cộng</b>	<b>2.312.500</b>	<b>59.233.470</b>
<b>5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 VND
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí bán hàng	35.800.000	77.735.830
<b>Cộng</b>	<b>35.800.000</b>	<b>77.735.830</b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	743.341.081	678.444.052
Thuế, phí và lệ phí	2.848.657	19.495.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	393.188.445	301.137.103
Chi phí khác	11.332.273	1.078.291
<b>Cộng</b>	<b>1.150.710.456</b>	<b>1.000.154.446</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>		
	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 VND
Thu nhập khác	-	1.459.857.453
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.459.857.453</b>
<b>7. Chi phí khác</b>		
	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 VND
Chi phí khác	110.529.410	8.389.582
<b>Cộng</b>	<b>110.529.410</b>	<b>8.389.582</b>
<b>8. Lãi trên cổ phiếu</b>		
	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Quý khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau	6.175.809.324 -	7.343.583.164 -

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

thuế		
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	19.799.994	8.250.000
Lãi trên cổ phiếu	312	890

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

	Quý III.2021	Quý III.2020
Thu nhập của Ban giám đốc và KTT	150.000.000	105.000.000

**2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán và số liệu cho kỳ kế toán từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 do Công ty tự lập.

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Liên

Kế toán trưởng

Cao Thị Minh Nguyệt

Giám đốc



Nguyễn Mạnh Cường

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2021